BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 23/2016/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2016*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 10 năm 2013;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử

dụng tài sản nhà nước (sau đây gọi là Nghị định số 52/2009/NĐ-CP) và Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 04/2016/NĐ-CP), bao gồm:

1. Thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Xác định giá trị tài sản nhà nước để giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp.

3. Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính.

4. Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài sản nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương (sau đây gọi là Bộ, cơ quan Trung ương), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II
THUÊ TÀI SẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 3. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Điều 4. Thuê tài sản là trụ sở làm việc

1. Đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện thuê trụ sở làm việc theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP và khoản 2 Điều này căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc và hiện trạng sử dụng trụ sở làm việc để lập phương án thuê trụ sở làm việc, trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 3 Thông tư này quyết định.

2. Đơn vị đang đi thuê trụ sở làm việc được thuê bổ sung diện tích làm việc khi diện tích làm việc hiện có còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức trong các trường hợp sau đây:

a) Số lượng cán bộ, công chức, viên chức tăng lên theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Đơn vị đã tiến hành sắp xếp, bố trí lại nhưng không đủ diện tích làm việc cho số lượng cán bộ, công chức, viên chức tăng thêm;

b) Được giao thêm nhiệm vụ dẫn đến yêu cầu phải tăng thêm diện tích làm việc. Đơn vị đã tiến hành sắp xếp, bố trí lại nhưng không đủ diện tích làm việc, nếu không được bổ sung diện tích trụ sở làm việc sẽ làm ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc tăng lên dẫn đến diện tích hiện đang thuê thiếu so với tiêu chuẩn, định mức, nếu không được thuê bổ sung sẽ làm ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Phương án thuê trụ sở làm việc gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Sự cần thiết thuê trụ sở làm việc;

b) Diện tích trụ sở làm việc cần thuê;

c) Cấp, hạng, tiêu chuẩn trụ sở làm việc cần thuê;

d) Yêu cầu về địa điểm, vị trí của trụ sở làm việc cần thuê;

đ) Thời hạn thuê được xác định phù hợp với yêu cầu sử dụng trụ sở làm việc;

e) Mức giá thuê tối đa được xác định trên cơ sở giá thuê phổ biến trên thị trường.

4. Căn cứ phương án thuê trụ sở làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị lập dự toán kinh phí thuê trong dự toán ngân sách hàng năm, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Việc lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê trụ sở làm việc được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Việc áp dụng hình thức chỉ định được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Số tiền thuê trụ sở làm việc của cả thời hạn thuê có giá trị dưới 100 triệu đồng (tính cho một hợp đồng);

b) Chỉ có 01 nhà thầu tham gia sau khi đã làm thủ tục thông báo mời thầu theo quy định của pháp luật;

c) Cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 3 Thông tư này quyết định gia hạn thời gian hợp đồng thuê trụ sở làm việc khi hết thời hạn thuê theo hợp đồng hoặc thuê bổ sung diện tích tại nơi đang thuê mà giá thuê không vượt quá giá thuê đang áp dụng.

6. Căn cứ phương án thuê trụ sở làm việc được phê duyệt và dự toán được giao, Thủ trưởng đơn vị thực hiện lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê trụ sở

làm việc theo quy định của pháp luật về đấu thầu và hướng dẫn tại khoản 5 Điều này.

Riêng đối với thông báo mời thầu, ngoài việc thông báo theo quy định của pháp luật về đấu thầu thì đơn vị phải thực hiện đăng tải trên Trang thông tin về tài sản nhà nước của Bộ Tài chính và Cổng thông tin điện tử của Bộ, cơ quan Trung ương (nếu có) đối với đơn vị thuộc Trung ương quản lý; Cổng thông tin điện tử của địa phương (nếu có) đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý.

7. Đơn giá thuê trụ sở làm việc:

a) Trường hợp áp dụng hình thức đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp thì đơn giá thuê được xác định theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

b) Trường hợp áp dụng hình thức chỉ định thì đơn giá thuê do đơn vị và nhà cung cấp thỏa thuận trên cơ sở giá thuê phổ biến tại thị trường địa phương, trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 3 Thông tư này phê duyệt.

8. Việc thuê trụ sở làm việc phải được lập thành hợp đồng. Hợp đồng bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Thông tin của bên cho thuê và bên thuê;

b) Mục đích thuê;

c) Thời hạn thuê (không vượt quá thời hạn theo phương án được phê duyệt);

d) Đơn giá thuê;

đ) Phương thức, thời hạn thanh toán;

e) Quyền, nghĩa vụ và cam kết của bên thuê và bên cho thuê;

g) Hiệu lực hợp đồng;

h) Ngày hiệu lực và chấm dứt hợp đồng;

i) Trường hợp bất khả kháng;

k) Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp.

Điều 5. Thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc

1. Đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện thuê tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản và hiện trạng sử dụng tài sản hiện có và khả năng nguồn kinh phí để trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 3 Thông tư này quyết định.

2. Việc lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ, đơn giá thuê, hợp đồng thuê thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

Riêng đối với thông tin mời thầu, ngoài việc thông báo mời thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu thì đơn vị phải thực hiện đăng tải trên Trang thông tin về tài sản nhà nước của Bộ Tài chính và Cổng thông tin điện tử của Bộ, cơ quan Trung ương (nếu có) đối với đơn vị thuộc Trung ương quản lý; Cổng

thông tin điện tử của địa phương (nếu có) đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý.

Chương III

XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC ĐỂ GIAO CHO ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP QUẢN LÝ THEO CƠ CHẾ GIAO VỐN CHO DOANH NGHIỆP

Điều 6. Điều kiện đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp

1. Đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc một trong các loại hình sau đây:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

2. Việc xác định loại hình đơn vị sự nghiệp công lập tại khoản 1 Điều này căn cứ quy định của pháp luật hiện hành về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và phương án tự chủ được cấp có thẩm quyền phê duyệt áp dụng tại thời điểm có văn bản xác nhận đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp, cụ thể:

a) Trường hợp tại thời điểm xác nhận đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp, Chính phủ đã ban hành hoặc sửa đổi Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là Nghị định số 16/2015/NĐ-CP), việc xác định loại hình đơn vị sự nghiệp công quy định tại khoản 1 Điều này căn cứ vào quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực;

b) Trường hợp tại thời điểm xác nhận đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp, cấp có thẩm quyền chưa ban hành hoặc sửa đổi Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, việc xác định loại hình đơn vị sự nghiệp công quy định tại khoản 1 Điều này căn cứ vào quy định tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP

(đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ); Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập (đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế); Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập (đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các lĩnh vực còn lại).

Điều 7. Xác nhận đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp

1. Chậm nhất đến ngày 20 tháng 5 năm 2016, các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải hoàn thành việc rà soát toàn bộ các đơn vị sự nghiệp công lập hiện có thuộc phạm vi quản lý để xác định:

a) Các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp theo quy định tại Điều 6 Thông tư này (gọi là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính).

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập chưa đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp theo quy định tại Điều 6 Thông tư này (gọi là đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính).

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này, Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Thông báo danh mục các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp.

Hàng năm, các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính và các đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập trong năm để ban hành Thông báo bổ sung, điều chỉnh danh mục các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

3. Cơ quan tài chính của Bộ, cơ quan Trung ương, cơ quan tài chính địa phương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 8. Kiểm kê, phân loại tài sản

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xác nhận đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao

cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm:

a) Kiểm kê, phân loại tài sản đơn vị đang quản lý, sử dụng tại thời điểm xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý;

b) Lập bảng kê xác định chủng loại, số lượng, chất lượng và giá trị của tài sản hiện có tại đơn vị; xác định tài sản thừa, thiếu so với sổ kế toán, phân tích rõ nguyên nhân thừa, thiếu và trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Tài sản đã kiểm kê được phân loại theo các nhóm sau:

a) Tài sản nhà nước được xác định giá trị để giao cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quản lý, gồm:

- Tài sản (bao gồm cả tài sản được viện trợ, tài trợ, biếu, tặng cho, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước, tài sản khác) do Nhà nước giao bằng hiện vật, quyền sử dụng đất;

- Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm bằng nguồn ngân sách nhà nước giao;

- Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm bằng tiền có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, gồm:

+ Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và Quỹ phúc lợi của đơn vị, nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật;

+ Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ các nguồn vốn huy động sau khi trả hết nợ vốn huy động, tài sản nhận góp vốn liên doanh, liên kết sau khi hết thời hạn liên doanh, liên kết trở thành tài sản của đơn vị.

- Phần giá trị tài sản được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước đối với tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ nhiều nguồn khác nhau.

b) Tài sản không cần dùng, tài sản tồn đọng, tài sản chờ thanh lý.

c) Tài sản đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuê, mượn, nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận đại lý, nhận ký gửi, nhận góp vốn liên doanh, liên kết của các tổ chức cá nhân khác và các tài sản khác không phải của đơn vị.

d) Phần diện tích nhà, đất của đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính đã bố trí làm nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi có nhà, đất để quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

đ) Phần diện tích đất Nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuê trả tiền thuê đất hàng năm.

e) Tài sản của các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi là dự án) sử dụng vốn nhà nước gồm:

- Tài sản phục vụ công tác quản lý dự án do đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính làm chủ dự án nhưng chưa có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền;

- Tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án do đơn vị sự nghiệp công lập làm chủ dự án nhưng chưa bàn giao đưa vào sử dụng.

g) Tài sản khác.

Điều 9. Xử lý tài sản thừa, thiếu phát hiện qua kiểm kê và một số loại tài sản không xác định giá trị để giao cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quản lý

1. Đối với tài sản thừa, thiếu, phải phân tích làm rõ nguyên nhân và xử lý như sau:

a) Tài sản thiếu phải xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân để xử lý bồi thường vật chất theo quy định hiện hành. Trường hợp tài sản thiếu được xác định do nguyên nhân khách quan (thiên tai, hỏa hoạn,...), đơn vị báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 04/2016/NĐ-CP quyết định ghi giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán. Trường hợp tài sản đã được mua bảo hiểm và được doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường theo hợp đồng thì số tiền bồi thường được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị;

b) Tài sản thừa, nếu không xác định được nguyên nhân hoặc không tìm được chủ sở hữu thì ghi tăng tài sản và đưa vào phần tài sản xác định giá trị để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp.

2. Đối với tài sản không cần dùng, tài sản tồn đọng, tài sản chờ thanh lý, đơn vị có trách nhiệm xử lý theo chế độ hiện hành. Trường hợp đến thời điểm xác định giá trị mà đơn vị chưa kịp xử lý thì đơn vị có trách nhiệm tiếp tục bảo quản và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước quyết định xử lý và giao trách nhiệm tổ chức xử lý.

3. Đối với tài sản đơn vị thuê, mượn, nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận đại lý, nhận ký gửi, nhận góp vốn liên doanh, liên kết của các tổ chức, cá nhân khác và các tài sản khác không phải của đơn vị, đơn vị tiếp tục quản lý, sử dụng theo quy định.

4. Đối với phần diện tích nhà, đất của đơn vị đã bố trí làm nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi có nhà, đất để quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật, đơn vị có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có cơ sở nhà, đất) tiếp nhận để xử lý theo quy định.

5. Đối với phần diện tích đất Nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuê trả tiền thuê đất hàng năm, đơn vị thực hiện quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Đối với tài sản phục vụ công tác quản lý dự án do đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính làm chủ dự án, đơn vị tiếp tục quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng, xử lý tài sản dự án. Sau khi dự án kết thúc và có quyết định của cấp có thẩm quyền giao cho đơn vị quản lý, sử dụng thì thực hiện xác định giá trị để giao cho đơn vị quản lý.

7. Đối với tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án nhưng chưa bàn giao đưa vào sử dụng, đơn vị thực hiện hạch toán nguyên giá tạm tính theo quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước. Khi được bàn giao cho đơn vị đưa vào sử dụng thì thực hiện xác định giá trị để giao cho đơn vị quản lý.

Điều 10. Xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp

1. Giá trị tài sản nhà nước giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo quy định tại Điều này được xác định bằng đồng Việt Nam. Trường hợp tài sản được hạch toán bằng ngoại tệ thì quy đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ do Kho bạc nhà nước công bố tại thời điểm xác định giá trị tài sản.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất để đưa vào tính giá trị tài sản giao cho đơn vị quản lý như sau:

Giá trị quyền sử dụng đất (đồng)	=	Diện tích đất (m^2)	x	Giá đất (đồng/m2)

Trong đó:

a) Diện tích đất là diện tích được ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Quyết định giao đất, cho thuê đất của cấp có thẩm quyền (trong trường hợp chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trường hợp đơn vị chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyết định giao đất, cho thuê đất của cấp có thẩm quyền, đơn vị có văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định diện tích đất để làm cơ sở xác định giá trị quyền sử dụng đất.

b) Giá đất được xác định theo giá đất trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành nhân (x) với hệ số điều chỉnh giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định áp dụng tại thời điểm xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý.

3. Đối với các tài sản nhà nước không thuộc phạm vi quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều này, căn cứ vào giá trị còn lại của tài sản đang theo dõi trên sổ kế toán tại thời điểm xác định giá trị tài sản, bộ phận tài chính kế toán của đơn vị lập danh mục tài sản nhà nước (chủng loại, số lượng, giá trị) trình Thủ trưởng đơn vị phê duyệt để báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định giao tài sản cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp.

4. Đối với các tài sản nhà nước đơn vị chưa hạch toán, chưa tính hao mòn cho thời gian sử dụng, tài sản đã tính hao mòn đủ nhưng vẫn còn sử dụng được, Thủ trưởng đơn vị thành lập Hội đồng để xác định giá trị còn lại của tài sản. Thành phần Hội đồng xác định giá trị còn lại của tài sản do Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ làm Chủ tịch. Các thành viên khác gồm: Đại diện cơ quan quản lý cấp trên; đại diện bộ phận tài chính kế toán của đơn vị; đại diện cơ quan chuyên môn hoặc chuyên gia về tài sản; đại diện các cơ quan khác có liên quan (nếu cần).

Điều 11. Giao tài sản nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp

1. Căn cứ kết quả xác định giá trị tài sản nhà nước quy định tại Điều 10 Thông tư này, cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 04/2016/NĐ-CP quyết định giao tài sản nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính.

2. Nội dung chủ yếu của quyết định giao tài sản nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính gồm:

a) Tên đơn vị được giao tài sản nhà nước;

b) Danh mục (chủng loại, số lượng, giá trị) tài sản nhà nước giao cho đơn vị;

c) Tổng giá trị tài sản nhà nước giao cho đơn vị.

3. Danh mục tài sản nhà nước giao cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thực hiện theo Mẫu số 01-DM/ĐVSN, Mẫu số 02-DM/ĐVSN, Mẫu số 03-DM/ĐVSN ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (sau đây gọi là Thông tư số 09/2012/TT-BTC).

5. Việc giao tài sản nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính phải lập thành biên bản theo Mẫu số 04-BB/ĐVSN ban hành kèm theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Chương IV
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC VÀO MỤC ĐÍCH SẢN XUẤT, KINH DOANH DỊCH VỤ, CHO THUÊ, LIÊN DOANH, LIÊN KẾT TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ CHỦ TÀI CHÍNH

Điều 12. Yêu cầu sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết

Việc sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại Điều 32 Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Cụ thể như sau:

1. Được cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 42, khoản 3 Điều 43 và khoản 3 Điều 44 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP cho phép.

2. Không ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ Nhà nước giao: Đơn vị phải hoàn thành các kế hoạch, nhiệm vụ, đơn đặt hàng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao, đặt hàng.

3. Sử dụng tài sản đúng mục đích đầu tư xây dựng, mua sắm: Sử dụng đúng công năng của tài sản khi đầu tư xây dựng, mua sắm hoặc được giao phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Ví dụ: Trường X được Nhà nước đầu tư xây dựng 01 tòa nhà để sử dụng làm giảng đường, lớp thực hành... Do Trường X chỉ sử dụng tòa nhà này để phục vụ giảng dạy vào 01 buổi trong ngày nên được cấp có thẩm quyền quyết định cho sử dụng tòa nhà này để cho thuê, liên doanh, liên kết trong thời gian nhàn rỗi. Trong trường hợp này, Trường X chỉ được cho thuê, liên doanh, liên kết để làm giảng đường hoặc lớp thực hành... phù hợp với mục đích khi đầu tư xây dựng tòa nhà.

4. Phát huy công suất và hiệu quả sử dụng tài sản nhà nước, cụ thể:

a) Tận dụng tài sản nhà nước trong thời gian nhàn rỗi;

b) Tỷ lệ thời gian, cường độ khai thác, sử dụng tài sản phải cao hơn khi chưa thực hiện sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết;

5. Thực hiện theo cơ chế thị trường, cụ thể:

a) Xác định giá cho thuê tài sản nhà nước phù hợp với giá cho thuê tài sản cùng loại trên thị trường;

b) Xác định giá trị tài sản khi liên doanh, liên kết phải phù hợp với giá trị thực tế của tài sản trên thị trường;

c) Tài sản sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết phải được trích khấu hao theo quy định.

Điều 13. Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ

1. Đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng tài sản để thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được Nhà nước giao.

2. Việc sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ phải đảm bảo các yêu cầu quy định Điều 12 Thông tư này.

Điều 14. Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích cho thuê

1. Đơn vị sự nghiệp công lập được cho thuê tài sản nhà nước trong các trường hợp sau:

a) Tài sản sử dụng chưa hết công suất;

b) Tài sản được đầu tư xây dựng để cho thuê theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tài sản được đầu tư xây dựng để cho thuê theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này là các dự án đầu tư xây dựng trên cơ sở khai thác nhà, đất hiện có của đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính để sử dụng có hiệu quả hơn tài sản nhà nước theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Dự án đầu tư xây dựng để cho thuê quy định tại khoản 1 Điều này do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính (đối với đơn vị thuộc trung ương quản lý), Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý).

3. Việc cho thuê tài sản nhà nước được thực hiện theo các phương thức sau:

a) Đấu giá áp dụng đối với gói cho thuê tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (tính cho cả thời hạn cho thuê) có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

b) Cho thuê trực tiếp áp dụng trong các trường hợp sau:

- Gói cho thuê tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (tính cho cả thời hạn cho thuê) có giá trị dưới 100 triệu đồng;

- Tài sản không phải là trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất (máy chiếu, thiết bị âm thanh, máy vi tính...);

- Cho thuê từng hạng mục thuộc trụ sở làm việc (hội trường, phòng họp, phòng hội thảo, phòng thí nghiệm...) trong thời gian ngắn, không liên tục.

Thủ trưởng đơn vị có tài sản cho thuê xác định và thông báo công khai giá cho thuê tài sản nhà nước quy định tại điểm này trên Trang thông tin về tài sản nhà nước của Bộ Tài chính; Cổng thông tin điện tử của Bộ, cơ quan Trung ương (nếu có) đối với tài sản của đơn vị thuộc Trung ương quản lý; Cổng thông tin điện tử của địa phương (nếu có) đối với tài sản của đơn vị thuộc địa phương quản lý và niêm yết tại trụ sở cơ quan, đồng gửi cơ quan quản lý cấp trên để theo dõi.

4. Giá cho thuê tài sản nhà nước được xác định như sau:

a) Giá trúng đấu giá trong trường hợp cho thuê theo phương thức đấu giá;

b) Giá cho thuê được niêm yết, thông báo công khai trong trường hợp cho thuê trực tiếp.

Giá khởi điểm để đấu giá, giá cho thuê được niêm yết, thông báo công khai do Thủ trưởng đơn vị phê duyệt phù hợp với giá cho thuê phổ biến tại thị trường địa phương của tài sản cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng xuất xứ.

5. Việc cho thuê tài sản phải được lập thành hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích liên doanh, liên kết

1. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích liên doanh, liên kết, đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng phương án sử dụng tài sản nhà nước để liên doanh, liên kết báo cáo cơ quan quản lý cấp trên xem xét, gửi Bộ, cơ quan Trung ương (đối với đơn vị thuộc Trung ương quản lý), gửi Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý).

2. Bộ, cơ quan Trung ương, Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện:

a) Xem xét, có ý kiến về phương án sử dụng tài sản nhà nước để liên doanh, liên kết của đơn vị;

b) Gửi phương án sử dụng tài sản nhà nước để liên doanh, liên kết lấy ý kiến Bộ Tài chính (đối với đơn vị thuộc Trung ương quản lý); báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý).

3. Trên cơ sở ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính hoặc báo cáo của Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương (đối với đơn vị thuộc Trung ương quản lý), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý) quyết định việc sử dụng tài sản nhà nước để liên doanh, liên kết.

4. Các hình thức sử dụng tài sản để liên doanh, liên kết:

a) Hình thức liên doanh, liên kết không thành lập pháp nhân mới, các bên tham gia liên doanh, liên kết tự quản lý, sử dụng tài sản của mình và chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính, các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và được chia doanh thu từ hoạt động liên doanh, liên kết theo hợp đồng;

b) Hình thức liên doanh, liên kết không thành lập pháp nhân mới, các bên tham gia liên doanh, liên kết cùng góp tài sản hoặc góp vốn để mua tài sản sử dụng cho mục đích liên doanh, liên kết; các tài sản này được các bên tham gia liên doanh, liên kết cùng quản lý, sử dụng để mang lại lợi ích và chia sẻ rủi ro cho các bên tham gia;

c) Hình thức liên doanh, liên kết hình thành pháp nhân mới, các bên tham gia liên doanh, liên kết cùng góp tài sản hoặc góp vốn để mua tài sản sử dụng cho mục đích liên doanh, liên kết; pháp nhân mới có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và Hợp đồng liên doanh, liên kết.

5. Quản lý, sử dụng tài sản khi liên doanh, liên kết:

a) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện liên doanh, liên kết theo hình thức quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, đơn vị thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện liên doanh, liên kết theo hình thức quy định tại điểm b khoản 4 Điều này, việc quản lý, sử dụng tài sản sau khi góp vốn được thực hiện theo Hợp đồng liên doanh, liên kết; sau khi hết thời hạn liên doanh, liên kết, tài sản được xử lý theo nguyên tắc quy định tại khoản 7 Điều này;

c) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện liên doanh, liên kết theo hình thức quy định tại điểm c khoản 4 Điều này, tài sản được sử dụng để góp vốn liên doanh, liên kết do pháp nhân mới quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật; khi hết thời hạn liên doanh, liên kết, tài sản được xử lý theo nguyên tắc quy định tại khoản 7 Điều này;

6. Việc xác định giá trị tài sản để liên doanh, liên kết thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 44 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP.

7. Nguyên tắc xử lý tài sản sau khi hết thời hạn liên doanh, liên kết:

a) Đối với tài sản là công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất sau khi hết thời hạn liên doanh, liên kết, các tài sản này thuộc về Nhà nước.

b) Đối với các tài sản khác, sau khi hết thời hạn liên doanh, liên kết, các tài sản này được chia cho các bên tham gia liên doanh, liên kết theo tỷ lệ đóng góp của mỗi bên; trường hợp không chia được bằng hiện vật thì thực hiện bán cho các bên còn lại trong liên doanh theo giá thị trường; trường hợp các bên liên doanh không mua thì thực hiện bán đấu giá.

Điều 16. Sử dụng tài sản đã đầu tư trên đất và giá trị quyền sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính không được sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết trong các trường hợp sau:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 54 Luật Đất đai năm 2013;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng được Nhà nước cho thuê đất theo quy định tại Điều 56 Luật Đất đai năm 2013 trả tiền thuê đất một lần mà tiền thuê đất đã nộp có nguồn gốc ngân sách nhà nước;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng được Nhà nước cho thuê đất theo quy định tại Điều 56 Luật Đất đai năm 2013 trả tiền thuê đất hàng năm.

2. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng được Nhà nước cho thuê đất theo quy định tại Điều 56 Luật Đất đai năm 2013 trả tiền thuê đất một lần mà tiền thuê đất đã nộp không có nguồn gốc ngân sách nhà nước thì được phép sử dụng tài sản đã đầu tư trên đất và giá trị quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định.

Thẩm quyền quyết định việc sử dụng tài sản đã đầu tư trên đất và giá trị quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết

được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 42, khoản 3 Điều 43 và khoản 3 Điều 44 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP.

Điều 17. Quản lý, sử dụng tiền thu được từ sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết

Tiền thu được từ sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết tài sản nhà nước, đơn vị phải hạch toán riêng và sử dụng để thanh toán các chi phí có liên quan; nộp tiền thuê đất, thuế và nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật; hoàn trả vốn huy động bao gồm cả lãi huy động vốn (trong trường hợp tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ nguồn vốn huy động). Số tiền còn lại được quản lý, sử dụng theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Nghị định số 52/2009/NĐ-CP và cơ chế tài chính áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 18. Kê khai, báo cáo và đăng nhập thông tin về tài sản nhà nước sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Thông báo danh mục đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính của Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tài chính của Bộ, cơ quan Trung ương, Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương điều chỉnh thông tin phân loại đơn vị sự nghiệp công lập trong Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký Biên bản bàn giao tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập phải Báo cáo kê khai để điều chỉnh số liệu về tài sản và giá trị tài sản trong Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 42, khoản 3 Điều 43, khoản 3 Điều 44 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP quyết định cho phép sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh liên kết, đơn vị có trách nhiệm lập Báo cáo kê khai việc sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh liên kết để cập nhật thông tin trong Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước.

Hồ sơ báo cáo kê khai việc sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết bao gồm:

a) Tờ khai sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết theo Mẫu số 02-HSĐK ban hành kèm theo Thông tư này (01 bản chính);

b) Quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết (01 bản sao);

c) Văn bản xác nhận đơn vị sự nghiệp đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp (01 bản sao);

d) Quyết định giao tài sản nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quản lý (01 bản sao);

đ) Các giấy tờ có liên quan khác (nếu có).

Các bản sao phải có chữ ký của Thủ trưởng đơn vị và đóng dấu của đơn vị.

4. Hàng năm, đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo kê khai biến động tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết theo Tài liệu hướng dẫn sử dụng Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước của Bộ Tài chính.

5. Cơ quan tài chính của Bộ, cơ quan Trung ương, Sở Tài chính có trách nhiệm đăng nhập thông tin sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước để hình thành Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước theo Tài liệu hướng dẫn sử dụng của Bộ Tài chính.

Chương V
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DO NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN

Điều 19. Xác định giá trị tài sản nhà nước và giao tài sản nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên

1. Điều kiện đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên được xác định giá trị tài sản nhà nước để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp:

a) Có phương án sử dụng tài sản phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao theo Mẫu số 01-PATSNN ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Cam kết thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản đối với đơn vị tự chủ tài chính quy định của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP;

c) Trường hợp được Nhà nước cho phép hoặc yêu cầu tính đủ chi phí, bao gồm cả khấu hao tài sản cố định vào giá thành sản phẩm dịch vụ, hàng hóa (kể cả các sản phẩm dịch vụ, hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước đặt hàng) thì đơn vị phải đảm bảo tự bù đắp đủ các chi phí;

d) Nhà nước không tăng thêm kinh phí, trừ các trường hợp Nhà nước giao thêm nhiệm vụ hoặc bổ sung một phần cho tiền lương tăng thêm theo chế độ của Nhà nước.

2. Hồ sơ đề nghị xác nhận đơn vị đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp:

a) Văn bản đề nghị xác nhận đơn vị đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp theo Mẫu số 03-VBĐNXN ban hành kèm theo Thông tư này (01 bản chính);

b) Phương án sử dụng tài sản phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao theo Mẫu số 01-PATSNN ban hành kèm theo Thông tư này (01 bản chính);

c) Các giấy tờ có liên quan khác (nếu có).

3. Xác nhận đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Trung ương quản lý đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản nhà nước để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Trung ương quản lý được Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này có nhu cầu được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp lập hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, gửi cơ quan quản lý cấp trên xem xét, tổng hợp, gửi cơ quan tài chính của Bộ, cơ quan Trung ương.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tài chính của Bộ, cơ quan Trung ương có trách nhiệm xem xét, báo cáo Bộ, cơ quan Trung ương gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính (trong trường hợp đơn vị đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này) hoặc có văn bản trả lời đơn vị (trong trường hợp đơn vị không đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này).

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến thẩm định, Bộ Tài chính có trách nhiệm thẩm định theo nội dung sau:

- Tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ;

- Sự cần thiết, sự phù hợp của phương án sử dụng tài sản với các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và pháp luật có liên quan.

d) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan Trung ương xem xét, ra Thông báo xác nhận đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp.

4. Xác nhận đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản nhà nước để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý được Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này có nhu cầu được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp lập hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, gửi cơ quan quản lý cấp trên. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý cấp trên xem xét, tổng hợp, gửi Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thẩm định, trình Ủy ban

nhân dân cấp tỉnh gửi lấy ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp (trong trường hợp đơn vị đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này) hoặc có văn bản trả lời đơn vị (trong trường hợp đơn vị không đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này). Nội dung thẩm định của Sở Tài chính gồm:

- Tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ;

- Sự cần thiết, sự phù hợp của phương án sử dụng tài sản với các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và pháp luật có liên quan.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cho ý kiến về việc xác định giá trị tài sản nhà nước để giao cho đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm kinh phí thường xuyên theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp.

d) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ra Thông báo xác nhận đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp trong trường hợp Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đồng ý và ra Thông báo đơn vị không đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp.

5. Sau khi nhận được văn bản xác nhận đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp, đơn vị có trách nhiệm kiểm kê, phân loại tài sản, xử lý tài sản, xác định giá trị tài sản theo quy định tại các Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này.

6. Việc quyết định giao tài sản nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

Điều 20. Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên được Nhà nước xác định giá trị tài sản nhà nước để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên được Nhà nước xác định giá trị tài sản nhà nước để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp, việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được thực hiện theo cơ chế áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

2. Bãi bỏ Thông tư số 12/2012/TT-BTC ngày 06 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn tiêu chí xác định đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp.

3. Bãi bỏ Mục 8, Mục 9, các quy định về thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập tại Mục 3 Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

4. Xử lý chuyển tiếp:

a) Các đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền quyết định giao tài sản cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp trước ngày 20 tháng 02 năm 2016 thì tiếp tục thực hiện quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được giao theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính nhưng chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền giao tài sản cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp nhưng đã có văn bản công nhận là đơn vị đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp hoặc đã thực hiện kiểm kê, xác định giá trị tài sản theo quy định tại Nghị định số 52/2009/NĐ-CP thì thực hiện các bước tiếp theo quy định tại Điều 1 Nghị định 04/2016/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này; không phải làm lại các bước đã hoàn thành.

5. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để phối hợp giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Chí

Mẫu số 01-PATSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính)

TÊN ĐƠN VỊ:.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

PHƯƠNG ÁN
Sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý:

- Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

- Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

- Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Cơ sở thực tiễn:

2.1. Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị

2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của đơn vị

2.3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị trong 3 năm gần nhất và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thực trạng công tác quản lý tài sản nhà nước tại đơn vị

1.1. Tài sản là nhà, đất

1.2. Tài sản là máy móc thiệt bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác

1.3. Tài sản đang thực hiện cho thuê, sản xuất kinh doanh dịch vụ, liên doanh, liên kết (nếu có)

- Hình thức cho thuê, sản xuất kinh doanh dịch vụ, liên doanh, liên kết.

- Đánh giá hiệu quả của việc sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Phương án sử dụng tài sản nhà nước sau khi được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp:

2.1. Kết quả kiểm kê, phân loại tài sản hiện có:

a) Tài sản được xác định giá trị để giao cho đơn vị quản lý.

b) Tài sản không cần dùng, tồn đọng, tài sản chờ thanh lý.

c) Tài sản thuê, mượn, nhận góp vốn liên doanh, liên kết của các tổ chức cá nhân khác và các tài sản khác không phải của đơn vị.

d) Phần diện tích nhà, đất đã bố trí làm nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

đ) Phần diện tích đất Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm.

e) Tài sản của các dự án chưa có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền.

2.2. Phương án khai thác, sử dụng tài sản:

a) Tài sản sử dụng phục vụ chức năng, nhiệm vụ chính trị được giao.

b) Tài sản sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết.

c) Tài sản đầu tư mới để sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2.3. Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án khai thác, sử dụng tài sản.

III. GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03/VBĐNXN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính)

TÊN ĐƠN VỊ:.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng..... năm.....

ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN
Đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện để Nhà nước xác định giá trị tài sản nhà nước giao đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp

Kính gửi:.....(*)

I. Thông tin đơn vị:

1. Tên đơn vị:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Loại hình đơn vị: Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

II. Hồ sơ kèm theo:

1. Phương án sử dụng tài sản phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao theo Mẫu số 01-PATSNN ban hành kèm theo Thông tư này (01 bản chính);
2. Các giấy tờ có liên quan khác (nếu có):

a) .....
b) .....

III. Cam kết của đơn vị khi được xác nhận là đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản nhà nước để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp:

1. Cam kết thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản đối với đơn vị tự chủ tài chính quy định của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP.

2. Trường hợp được Nhà nước cho phép hoặc yêu cầu tính đủ chi phí, bao gồm cả khấu hao tài sản cố định vào giá thành sản phẩm dịch vụ, hàng hóa (kể cả các sản phẩm dịch vụ, hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước đặt hàng) thì đơn vị phải đảm bảo tự bù đắp đủ các chi phí.

3. Nhà nước không tăng thêm kinh phí, trừ các trường hợp Nhà nước giao thêm nhiệm vụ hoặc bổ sung một phần cho tiền lương tăng thêm theo chế độ của Nhà nước./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(*) Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị

TÊN ĐƠN VỊ:.....
.....

Mẫu số 02-HSĐK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KÊ KHAI SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC VÀO MỤC ĐÍCH SẢN XUẤT, KINH DOANH DỊCH VỤ, CHO THUÊ, LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Kính gửi:.....(1)

TT	Tên tài sản	Số lượng	Diện tích (m^2)(3)	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Mục đích sử dụng(2)	Thời gian sử dụng	Quyết định của cấp có thẩm quyền			Ghi chú
								Số	Ngày ban hành	Người ký	

Nơi nhận:

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) Ghi Bộ Tài chính (đối với đơn vị sự nghiệp thuộc Trung ương quản lý); Sở Tài chính tỉnh, thành phố (đối với đơn vị sự nghiệp thuộc địa phương quản lý).
(2) Đề nghị ghi rõ: Sản xuất, kinh doanh dịch vụ; cho thuê; liên doanh, liên kết.
(3) Cột diện tích chỉ áp dụng đối với tài sản là đất và nhà.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng